TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 25-9-2019
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Dương;

Bà Bùi Ngọc Dung.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Ngô Mộng T, sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1972 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 20 tháng 6 năm 2019 bà Nguyễn Thị N trình bày*: Vào năm 2015, bà Ngô Mộng T và ông Phạm Ngọc V có mở hụi góp vốn phát triển kinh tế ở địa phương, bà có tham gia chơi 02 chưng hụi loại 300.000 đồng, mở vào ngày 15/7/2015 âm lịch, hụi gồm 69 chưng, mỗi tháng khui 02 lần vào các ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bà đóng được 56 kỳ với số tiền 33.600.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 08/6/2016 âm lịch, ông V, bà T có hỏi vay bà số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 16/4/2017 âm lịch hỏi vay thêm 10.000.000 đồng. Ngày 29/9/2017 âm lịch hỏi vay thêm 3.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 43.000.000 đồng. Các lần vay đều không làm biên nhận.

Như vậy tổng số tiền ông V, bà T nợ bà là 76.600.000 đồng. Sau đó ông V, bà T có chơi hụi trả cho bà được 25.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 51.100.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông V, bà T trả cho bà số tiền 51.100.000 đồng.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Phạm Ngọc V trình bày*: Vào năm 2015 âm lịch vợ chồng ông có mở các dây hụi loại 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị N có tham gia chơi 02 chưng. Hụi mở vào ngày 15/7/2015 âm lịch, gồm có 69 chưng, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch, bà N đã đóng được 53 kỳ với số tiền 31.800.000 đồng.

Đối với số tiền vay ông xác định vợ ông là bà Ngô Mộng T có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng.

Ông Phạm Ngọc V xác định đã trả được cho bà N được 25.500.000 đồng chứ không phải 25.900.000 đồng như trước đây ông trình bày.

Tổng số tiền hụi và tiền vay vợ chồng ông nợ bà N là 71.800.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông có trả cho bà N số tiền 25.500.000 đồng, còn nợ lại bà N số tiền 46.300.000 đồng. Nay ông đồng ý trả cho bà N số tiền 46.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc V, bà Ngô Mộng T cùng địa chỉ cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau trả tiền vay và tiền hụi còn nợ. Xét đây là quan hệ dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi nên yêu cầu của bà N Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với Ngô Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N xác định bà có tham gia chơi 02 chưng hụi loại 300.000 đồng, khui vào ngày 15/7/2015 âm lịch, hụi gồm 69 chưng, mỗi tháng khui 02 lần vào các ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bà N đóng được 53 kỳ với số tiền 31.800.000 đồng và số tiền vay ông V, bà T thiếu

bà N số tiền 40.000.000 đồng. Tổng số tiền vay và tiền hụi ông V, bà T còn thiếu bà N là 71.800.000 đồng. Bà T, ông V đã trả cho bà N số tiền 25.500.000 đồng được đối trừ ông V, bà T còn nợ số tiền 46.300.000 đồng. Ông V xác định vợ chồng ông có nợ bà N số tiền hụi, tiền vay đúng như bà N trình bày và đồng ý trả theo yêu cầu của bà N.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc V, bà Ngô Mộng T trả tiền vay và tiền hụi còn thiếu.

Buộc ông Phạm Ngọc V, bà Ngô Mộng T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 46.300.000 (Bốn mươi sáu triệu ba trăm nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Nguyễn Thị N không phải chịu. Ngày 30 tháng 5 năm 2019 bà N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 1.277.500 đồng theo biên lai T tiền án phí số 0005746 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau bà N được nhận lại. Án phí dân sự có giá ngạch ông Phạm Ngọc V, bà Ngô Mộng T phải chịu 2.315.000 đồng, ông V, bà T có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Ngọc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Mộng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 217; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc V, bà Ngô Mộng T trả tiền vay và tiền hụi còn thiếu.

Buộc ông Phạm Ngọc V, bà Ngô Mộng T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 46.300.000 (Bốn mươi sáu triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Nguyễn Thị N không phải chịu. Ngày 30 tháng 5 năm 2019 bà N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 1.277.500 đồng theo biên lai T tiền án phí số 0005746 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau bà N được nhận lại. Án phí dân sự có giá ngạch ông Phạm Ngọc V, bà Ngô Mộng T phải chịu 2.315.000 đồng, ông V, bà T có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Ngọc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Mộng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi